

THIÊN GIẢI THÍCH ĐẠO TỤC

Đạo là pháp năng giáo hóa. Tục là căn cơ được giáo hóa, dùng pháp tiếp cơ quyết vâng theo chánh giáo. Chuẩn bị thông thả phép tắc hóa độ nên gọi là hóa phương (phương pháp giáo hóa).

Trong ý nghĩa, bốn câu trước của khoa đầu là nêu chung, bóng theo hình mà sinh, nghe do tiếng mà phát, hình và bóng, tiếng và âm vang không thể lìa nhau nên dùng để dụ. Hình riêng dễ hiểu. Nói pháp riêng, hoặc y cứ giới mà giải thích, hoặc y cứ hai phần phước và trí để giải thích, hoặc có thể giáo thế và xuất thế, chế pháp khác nhau. Chỗ đến đồng, nghĩa là đạo tu nhân giải thoát, tục kết duyên giải thoát, hạnh kia mau chậm mà cầu giải thoát thì không khác, rất hợp văn sau.

Chữ cho nên ở trở xuống là giải thích rộng. Ban đầu giải thích giúp nhau, bốn câu trước giải đạo nhờ tục giúp, phụ nghĩa là gần gũi. Hai câu sau nói tục cầu đạo giúp. Chữ cố trở xuống là kế giải thích chỗ đến, câu đầu là Phật bảo, hai câu sau là hai ngôi báu pháp và tăng. Trụ trì một câu chung suốt trên dưới. Tăng đồ diệt, vì Tăng tông thiếu hạnh tức là diệt.

Trong khoa kế, ban đầu bày vọng làm. Kiêu mạn là thời, ít hiểu biết là người, rõ luật là có hiểu biết, biết thời là có trí. Lời từ cổ họng phát ra, sự do tâm cất. Không khỏ sát kinh điển cho nên phát ra từ tâm họng. Chữ sở trở xuống là bày lỗi lầm, sự mặc tình ở tâm cho nên phi pháp, lời pháp ra nơi họng cho nên lầm lạng. Đều do đồng ấy là suy lý do vọng. Gang tắc nghĩa là tâm trí, cho nên sau dẫn chứng. Hai câu đầu là tùy tục, hai câu kế là chê pháp, hai câu sau là tạo nghiệp rộng sinh.

Tà kiến nghĩa là lần lừa hoại người. Trong phần chương, chữ châm là điều khuyên răn, chia làm ba chương: Hai giáo trước, đạo đối tặc chỗ làm, một giáo sau là tặc khiến tăng truyền cáo.

Trong nghi nói pháp, khoa đầu trước hết là khuyên người đời hộ pháp, vì Phật khen ngợi. Kinh nói: “Nếu hộ trì pháp, phải biết người này chính là đàn việt lớn của Chư Phật ở mười phương. Chữ hộ trở xuống là răn chắc kẻ đạo thọ thí ban đầu bày răn nhắc. Đình lịch tử dụ cho rất ít. Kế giải thích tương phá. Sau là chỉ bày tên ác. Chỉ là không trong sạch. Khúc là không ngay thẳng. Huyền là không chân thật. Tặc nghĩa là xâm đoạt, vọng tổn tín thí. Túy nghĩa là thần tánh hôn mê. Thiên-đà-la là làm hại tuệ mạng người, nêu như vậy ba mươi một, nay thấy có hai mươi tám”.

Trong phần hai, ban đầu khai tiếp cốt yếu. Chữ bất đắc xâm trở xuống là chế phi pháp, có sáu món; hai người đồng tòa vì tôn trọng không có hai, hại ồn ào lộn xộn. Cãi nhau nghĩa là đối chiếu so sánh hơn thua, xen câu dài ngắn nghĩa là che dài, nhật ngắn. Bác thiết nghĩa là vận hỏi, không thể hợp bồi thì không nói được. Ca thỉnh lỗi lầm như văn tự bày. Năm lỗi trước sau tổn mình, còn bao nhiêu tổn người. Nếu nói trở xuống là thứ ba, nói về khai lược, tuy nương kế thỉnh cũng cần chọn khả năng. Luận Trí Độ nói: “Thiếu đức không trí tuệ không thể ở tòa cao, như chó sói thấy sư tử liền núp vào hang không dám ra. Đại trí không sợ sệt nên ở tòa sư tử, thí như sư tử rống, các thú đều kinh sợ, quyết vì người thỉnh, y theo đây tự lượng, không nên sợ hãi, chớ khiến núp vào hang. Chữ dạ trở xuống là nói lập tòa, hoặc là ban đêm không rảnh để bày cho nên khai được ngời”.

Trong phần ba, có sáu pháp:

1. Lễ Tam Bảo.
2. Lên tòa cao.
3. Đánh thính thỉnh chúng (nay phần nhiều đánh bả).
4. Tán vận (Văn là tự làm, nay đều người khác làm, tiếng dứt thì thưa, đối mặt, nói kệ, câu thỉnh, v.v...)
5. Chánh nói.
6. Quán sát căn cơ để tiến hay dừng.

Hỏi: Cho như pháp ưa nghe nên nói? (Văn không rõ xuống tòa, nay thêm tiếp theo).

7. Nói rồi hồi hướng.
8. Lại làm tán vận.
9. Xuống tòa lễ tạ.

Tăng truyện nói rằng: Thu Tăng diêu mỗi khi giảng xong xuống tòa quyết chấp tay sám hối rằng: Ý Phật khó biết, phàm phu không thể suy lường được. Nay những lối con đã nói là truyền thọ của tôn sư, chưa dám chuyên tiếp, xin đại chúng đối với pháp nghĩa này hoặc đúng hoặc sai xin hoan hỉ cho. Trước tiên đánh tránh nhóm chúng gồm có mười pháp, ngay nay giảng đạo nên y theo cách thức này, năm tiết trong phần bốn đều dùng chữ Hựu ở giữa. Ban đầu nói lượng chúng lấy hiểu biết làm đầu. Năm phần lia năm phần pháp thân, luận tự giải thích rằng: “Pháp sâu nghĩa là giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến (có chỗ nói năm ấm là sai)”. Sâu là pháp xuất thế, cạn là pháp thế gian. Ấc thuyết, Luận Thành Thật cho là lời thêu dệt.

Thứ hai là nói hiểu âm nghĩa. Âm nam nữ là do tánh nam nữ y theo sự nghiệp mà có khác, tùy theo phẩm loại kia tương lời, nói phải phân chia, xen tạp lộn lạo không gọi là khéo nói.

Thứ ba là dạy dụng tâm. Trước nói xa lia ba tâm tham, luông lung và kiêu mạn, nếu vì tiếng tăm, lợi dưỡng, quyến thuộc đều là tâm tham. Sau nói thành tựu bốn tâm: Từ là thương xót kia chưa ngộ. Hỷ là khiến tâm chúng an. Lợi ích là khiến người khác hiểu biết, bất động là hiểu suốt pháp vốn không, không cả bỏ hay chấp trước. Cho nên Bát-nhã nói rằng: Thế nào là người giảng nói như như bất động? Tất cả pháp hữu vi như mộng huyễn, như bọt nước, như sương, như ánh chớp, nên quán sát như vậy. Lại kinh Pháp Hoa chép: “Đại từ bi là nhà (đối với từ hỷ ngày nay), nhu hòa nhẫn nhục là áo (lợi ích), các pháp không làm tòa bất động, thật hành được như vậy mới có thể nói pháp”. Khoác lạc sự học, khoe khoang khả năng đều là bóng Phật.

Thứ tư là dạy an lành. Tâm sợ hãi có năm lỗi, không sợ thì ngược lại. Thứ năm, khiến răn nhắc chúng nói pháp hàm loạn, không để cho chấp trước thế gian.

Trong phần năm, đầu tiên răn nhắc tham lợi, đồ chúng bắt chước thầy những điều tốt ở trên. Ngày nay trộm tham lợi phần nhiều cầu nhóm hợp làm bậy, kẻ hậu sinh bắt chước theo làm tổn thương Phật pháp, tự hoại và hoại người, Dương Tử gọi là phép chẳng có phép, tắc chẳng phải tắc là rất nhiều, thương xót thay.

Kế là giải thích ba chúng. Ban đầu tuy trí giới, do tâm vì lợi ở chung với người phá giới nên nói là tạp. Hai, đã ít muốn nên không tham lợi, nhưng là độn căn không dạy được người nên gọi là ngu si. Ba, không nhiễm lợi dưỡng, lại rành về giới tướng, uốn nắn mình và người nên gọi là thanh tịnh. Chử vì sao trở xuống là giải thích khéo biết giới

tướng ở trên có bốn: một là biết nặng, hai là biết nhẹ, ba là biết phi luật không chứng, bốn là biết luật nên chứng. Trong văn chỉ giải thích. Trong biết nhẹ lại nêu giới can ngăn ở thiên kế, nhiếp oai nghi ở sau, tạp tướng đều thông suốt. Trong chẳng phải luật lược nêu bất tịnh, còn các phi pháp khác đều điều diệt tận, cử tội. Riêng không theo giòng cho trái là phải, nên nói là không chứng, là trong luật nói xa ác thích thiện, đúng như pháp mà nói. Một chữ là chữ Luật, do luật là pháp dạy dỗ bao gồm đại, tiểu, khai, già, nặng, nhẹ, cho nên tuy rộng chung, mà chỉ quy về một chữ. Chữ nếu trở xuống là nói duyên khai phạm già. Phi xứ nghĩa là nhà dâm, quán rượu, hàng thịt, đây cho rằng Bồ-tát xuất gia ở trần không nhiễm, có thể được làm, Thịnh Văn tự nhiếp, e gặp tục bị nhiễm, cho nên chế không làm như ba chúng trên trên. Ngày nay còn không có hàng ngu tạp hưởng chi thanh tịnh ư? Tăng tông che diệt, Phật pháp biết nương vào đâu? Than ôi!

Trong phần sáu, Tạp A-hàm ban đầu bày ra giới hạn nhiếp chúng, sợ ia càng nhiều nạn với sự dạy dỗ, không lợi ích với người, phải là năng lực cứu được chứ không hạn cuộc ở lời nói. Cao Tăng ngày xưa cả ngàn đồ chúng vây quanh dưới tòa, phải lượng tài sức, càng xét tự tâm, chớ tham quyền thuộc để mưu đồ tiếng tăm. Đây chính là chứa nhân, cuối cùng sẽ tự đọa, Phật trở xuống là kể rõ chẳng hỏi thì không đáp. Hỏi qua đời, nghĩa là lúc chết gần bay xa, hỏi không có ích nên nói là luống nhọc, chữ phu trở xuống giống như dừng lời hỏi. Mười hai duyên: Vô minh và hành là nhân quá khứ. Thức, danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ là quả hiện tại. Ái, thủ, hữu là nhân vị lai. Sinh là già chết là quả vị lai. Nhân quả ba đời, sinh tử nối liền từ duyên, cho nên luống không. Biết sinh là hư dối thì chết còn có gì? Rõ vọng tu chân, được thoát sinh tử cho nên nói là độ đây, luật Tăng-kỳ nói đạo tục trái phạm, kia nhân Tỳ-kheo theo người tại gia làm điều trái, so sánh Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni phạm Ba-la-di, người tại gia không thọ giới nên không phạm, chớ nên nói rằng “biết làm sao”. Do không danh tướng chớ so lường quả báo đời sau, ý bày lại nặng khiến dạy dỗ người đời.

Trong phần bảy, vì lợi nói pháp tức là tà mạng, không tham không phạm là tâm khó biết, mong đừng tự dối mình.

Trong phần tám, vào phòng người nghĩa là phép thưa hỏi vào phòng thầy. Bên ngoài búng ngón là báo, cho nên trong biết. Chánh niệm mà đứng là không có tướng khác. Kế hỏi kinh tức là chánh hỏi thời pháp. Dưới giường hỏi là đứng dậy khỏi chỗ ngồi, không nghĩ duyên ngoài, phải lắng lòng nghe nhận, bày sự hiểu biết, làm lễ tạ sự chỉ bày,

lại đi ra cửa không quay lưng lại thầy.

Trong phần chín, khoa đầu luận Tỳ-ni Mẫu toát yết thì đồng luật Tứ Phần ở trước, ở đây dẫn bốn duyên để bày ý khai. Mười hai bộ:

1. Khế kinh.
2. Trùng tụng.
3. Thọ ký.
4. Phúng tụng.
5. Vô vấn tự thuyết.
6. Nhân duyên.
7. Thí dụ.
8. Bổn sự.
9. Bổn sinh.
10. Phương quảng.
11. Vị Tăng hữu.
12. Luận nghị.

Ba tạng giáo pháp không ngoài mười hai bộ này, cũng gọi là mười hai phần giáo. Soạn ân soạn, yếu ngôn nghĩa là chứa đựng căn cơ kham dùng. Diệu từ là hiển rõ dễ hiểu.

Khoa kế, kinh Niết-bàn dạy phải xem trọng pháp, không nói tám duyên. Phi thời nghĩa là không phải nói như giới chúng học đã chế. Phi quốc nghĩa là điều không tin ưa. Tự khuyên là xưng mình có khả năng. Tùy chỗ không gặp chúng lên tòa v.v... là diệt Phật pháp, thuận theo ngu tình của mình, trái với chánh giáo. Chử hà trở xuống là nói lý do không cho. Ngày nay chẳng nói phần nhiều rơi vào các lỗi, chẳng phải bậc thầy của trời người, là tri thức xấu ác.

Trong phần ba, có bảy món thí:

1. Nhân, nghĩa là mất lành nhìn cha mẹ, sư trưởng v.v... đời sau sẽ được mất trời, thành Phật được mất Phật.
2. Sắc mặt vui vẻ, đời sau được xinh đẹp, thành Phật được thân màu vàng.
3. Lời nhu nhuyễn khéo léo, đời sau lời lẽ rõ ràng, thành Phật được bốn thứ biện tài.
4. Đứng dậy xa rước, lễ bái... đời sau tướng mạo oai nghi trang nghiêm, thành Phật được ba thân.
5. Tâm tốt lành, đời sau không bị cuồng loạn, thành Phật được Trí Nhất Thiết.
6. Giường ghế, (Giường ghế mình cho người tạm ngồi) đời sau được giường bảy báu, thành Phật được tòa sư tử.

7. Phòng xá (phòng mình giữ người tạm qua đêm) đời sau được cúng điện tự nhiên, thành Phật được nhà Bốn thiên.

Nay dùng hai câu các các..., mà bao gồm hết.

Trong phần bốn, nói mình nhập thuyên đại Thánh, thương xót thì khuyến khích đời sau. Trong đạo Nho, người quân tử lời không nói ra, hổ thẹn thân không đến. Lại nói rằng “Làm trước rồi lời kia mới theo sau, huống chi Phật pháp tu nhân mà ngôn hạnh trái nhau, rất than thở kia, huống chi đâu không có sắc xấu hổ ư?”

Trong phần năm, dẫn Phật nói pháp, lấy ngộ đạo làm đầu, tùy nghi khéo léo khiến kẻ hậu học đầu tiên vì vui gồm thích, căn cơ lược nhiếp nhiều thành một thuyết. Hạnh là quán hạnh, pháp là pháp môn. Chữ cho đến trở xuống là kế đối với ưa thích riêng, căn cơ rộng, khai một thành nhiều thuyết, hoặc hai hoặc ba, cho đến tám muôn. Nếu y cứ kinh nói rằng: “Vô lượng vô số phương tiện” cũng đâu dừng ở con số trên. Nói tám muôn, người chân đế nói rằng: khi Phật mới thành đạo cho đến lúc nhập Niết-bàn, qua ba trăm năm mươi lần nói pháp, mỗi hội đều chỉ sáu Ba-la-mật thành hai mươi một ngàn, mỗi pháp đều phối hợp với bốn đại, sáu trần, mười pháp thành hai mươi một ngàn, lại phối với ba độc v.v... thành tám mươi tư ngàn, nay nêu đại số chỉ nói là tám muôn.

Thứ mười, luận Tỳ-ni Mẫu có năm tiết, ban đầu làm pháp môn sư. Trong năm tiết, tiết thứ ba là chỗ ứng, bốn tiết khác không ứng. Trong bốn tiết, tiết thứ hai chẳng lợi người, ba tiết khác là ngại tiết mạn. Chữ văn trở xuống là khiến người tôn kính pháp. Trong năm món hai món là thấp hèn, gần nhà quyền vị, bị người sai khiến. Bốn là tà mạng, ba món khác đều tránh hiểm nghi. Trộm lời nghĩa là thấp tiêng không công minh rõ ràng. Chữ nhập trở xuống là phép oai nghi vào thế tục. Thu nhiếp các căn là ví cảnh dục nhiều. Chữ hữu trở xuống là pháp không nên ở lâu.

Trong chín việc thì bốn việc trước là khinh người, năm là mạn pháp, sáu là không tin, ba việc khác là bủn xỉn xấu xa. Như mua bán ở chợ, mong trả báo. Chữ nhược nhập trở xuống là pháp lia lổi dùng tâm. Ban đầu bày pháp, chữ như trở xuống là dụ rõ. Núi cao đến vực sâu là dụ thấp lòng cung kính nhiếp tâm. Trăng di động tay là dụ không dính sáu trần.

Trong phần mười một, luật Thập Tụng ban đầu dạy khéo nói, thật tướng các pháp nói chung lớn nhỏ. Lại y cứ Tiểu giáo tức chỉ thiên không. Chữ thử trở xuống là khiến quả trách dừng, phải xét đúng sai

chớ theo tốt xấu. Chữ hựu trở xuống là cho diễn bày, chỉ không trái nghĩa tùy ý mở rộng, thuật nghĩa rất đúng. Còn văn thì không cho là do Thánh chế, không xen lời phạm (nay có người tâm thô liền chú giải Thánh điển, y theo đây quyết là lỗi chẳng nhỏ), luật Ngũ phần nhận thí trước không có ý. Luật Thập Tụng lúc nói không được ăn, vì không nhận rõ.

Trong phần mười hai, luận Tát-bà-đa khuyên cố gắng, ý thí vì mình cần phải khuyên vì chúng làm. Tứ Phần, ban đầu chế tà thuật. Chữ đương trở xuống là dạy chánh hạnh, lại có ba: Ban đầu dạy trước sau. Chữ hựu trở xuống là dạy thọ giới, trắng đen đều ba ngày gọi là sáu ngày chay. Chữ Phật trở xuống là dạy làm bố thí, văn nêu bỏ vật để so sánh châu báu, nói trùng để so sánh với người, văn dẫn nhân duyên luận Trí Độ làm chứng, kia thứ tám nói rằng: Phật ngự tại nước Xá-vê thọ tuổi xong, A-nan theo Phật du hóa các nước, đến thành Bà-la, vua ấy biết Phật có thần thông oai đức cảm hóa tâm chúng sinh, nếu Phật đến đây thì ai còn ưa ta. Liền chế hạn rằng: “Nếu có người cho Phật ăn, nghe Phật nói thì thâu năm trăm đồng tiền vàng”. Bấy giờ, Phật và A-nan đi khát thực mọi người đều đóng cửa, ôm bát không mà trở về. Bấy giờ, có người tố già cầm đồ để đựng nước gạo cạn vữa (nghĩa là tương gạo) ra đổ ngoài cửa, thấy Phật tướng tốt bèn nghĩ rằng: Người này là vị thần đáng ăn cơm cõi trời, nay tự giáng thân đi xin có lẽ là đại từ thương xót tất cả, cho nên bạch Phật rằng: Nay đồ ăn dở tệ này nếu Ngài cần thì hãy nhận, Phật biết tâm bèn mới trao bát nhận. Phật liền mỉm cười, ánh sáng chiếu đất trời, A-nan hỏi Phật: Vì sao mỉm cười, Phật nói: Người nữ già này vì thí đồ ăn cho Phật, trong mười lăm kiếp sinh lên cõi trời, nhân gian, hưởng thọ phước vui sướng, sau được thân nam xuất gia học đạo thành Bích-chi-phật nhận ước đồ ăn ngon không dứt.

Kia nói: Sa-di hai mươi ước kiếp dùng đồ ăn ngon dâng Phật, Phật dùng đồ thừa cho vua Tần-bà-ta-la, cho nên biết Phật thọ rồi cho thì được ăn, không cho thì không thể tiêu. Lại nữa, sắp bày đồ ăn cúng Phật, Phật chưa ăn, thì người không thể tiêu, ăn rồi dư Phật cho thì được tiêu (trên là văn luận, nay chỉ nhận lấy chút vật ngon để làm chứng). Thiện kiến nhận sai việc lành không phạm do chẳng phải sai.

Trong phần mười ba, Địa Trì Ban đầu nói gặp nhau thăm hỏi. Chữ hựu trở xuống là tùy duyên chú nguyện, luật Tứ Phần ban đầu nói đợi gặp người bệnh. Phương tiện sai là đáng sai, vì lợi ích cho họ nên khen ngợi. Cho làm nghĩa là kẻ tục có lòng tin mà không nơi nương tựa. Chữ nhược trở xuống là tùy thế tục chú nguyện. Hắt hơi là nháy mũi. Luật do

Tỳ-kheo không chú nguyện, vờ lấy sự chê bai cho nên chế.

Trong phần mười bốn luật Tăng-kỳ có ba đoạn: Ban đầu phép vào chúng quan vua. Trước chế chẳng nên. Chữ ứng trở xuống là dạy khéo nói. Hai nhà tức Sát-đế-lợi và Bà-la-môn, Chư Phật khéo lợi ích chúng sinh, người có đức hạnh thì sinh trong dòng Bà-la-môn, nếu có oai thế thì sinh trong dòng Sát-đế-lợi, pháp luận là Phật pháp. Lực luân là vua quan. Chữ hựu trở xuống là răn nhắc xúc phạm là phạm. Hình tướng là hình tướng người. Chữ dục trở xuống là cho bày ý. Chữ tục trở xuống là bày nên đáp, sợ có quên sót ngại duyên cho nên lời đều không nhất định. Kế rõ vào nhà cư sĩ, không nên khiến kia hổ thẹn mất lòng kính tin. Chữ ứng trở xuống là bày an ủi vỗ về, phương tiện dắt dẫn, phát khởi gốc lành kia. Thứ ba vào chúng ngoại đạo, hai tiết đồng với trước. Hình trí nghĩa là nói lời hủy nhục, hoặc làm môn sư, hoặc là tiếp đối, hoặc khiến dạy dẫn dắt. Lại nữa, nghi thức nói pháp không chuyên dẫn dạy kẻ tục, làm thầy dạy đạo nghĩa cũng đồng, nhưng sự loại tướng nương nhờ nơi đây đã rõ.

Thứ hai, trong ba quy y, chế ý dẫn kinh. Ban đầu chính nói ý nhận, tức luận Tát-bà-đa nói rằng: Như người mắc tội trốn vua sang nước khác để cầu cứu giúp. Chúng sinh cũng như vậy, lệ thuộc vào ma, có lỗi sống chết, quy hướng Tam Bảo, ma không làm gì được. Cho nên biết, nếu thọ ba quy y được thoát sinh tử. Ma phiền não là ba độc cướp mất pháp lành. Ma năm ấm đời đời không dừng. Ma chết là ép ngặt mạng căn. Thiên ma là quấy nhiễu khiến lui sụt đạo, bốn loại ma này đều não hại, không được tự do, nên gọi là Ma. Chữ danh trở xuống là kế bày pháp cao siêu, tên một mà nghĩa khác là kinh kia, thứ năm tự giải thích rằng: Phật thường, pháp thường, Tỳ-kheo tăng là thường, ở đây nói Như lai muốn chỉ bày cho chúng sinh hai món báu thường trụ chân tâm mộc thể, đối phương tiện trong giáo tùy nghi ly hợp cho nên nói rằng cảnh giới Chư Phật đồng. Đã biết phương tiện vốn là dẫn thật, nay thọ ba quy y đều là rõ tánh, căn cơ tuy chưa hiểu suốt nhưng có thể do đó mà người trao dùng giáo không thể không biết.

Nói một là ba, kinh chép: “Thế nào là một?” Phật bảo Ma-ha-ba-xà-ba-đề Kiều Đàm-di rằng: Chớ cúng dường ta, hãy cúng dường tăng, nếu cúng tăng liền được đầy đủ, Bà tùy theo lời ta thì đó là cúng dường Phật, vì giải thoát thì cúng dường pháp, vì thọ dụng thì cúng dường Tăng. Nói ba là mộc, như luận Tát-bà-đa hỏi: Phật cũng là Pháp, pháp cũng là Phật, Tăng cũng là pháp, chính là một pháp có gì khác không?

Đáp: Tuy là một nghĩa mà tướng có khác nhau. Tất cả công đức

đại trí vô sư là Phật Bảo, tốt chắc thật Niết-bàn là Pháp Bảo, công đức hữu học, vô học của Thịnh Văn là Tăng bảo.

Chữ hựu trở xuống là hiển bày công năng, cho nên biết Tam Bảo gia hộ không làm hại người, rộng, sức sinh còn vậy hướng chi với người. Nghĩa sau tức trong pháp thọ giới, nghiệp số đầy đủ, ở đây không phiền dẫn.

Trong phần hai, ban đầu bày ý, chỉ khiến chưa quy y Tam Bảo đều gọi là tin tà, thuận theo sinh tử đều gọi là tà nghiệp. Chữ A-hàm trở xuống là dẫn bày. Mẹ Niết-bàn sinh tử là thời vô thủ, không chỗ đến là mẹ vị lai, nghĩa là thành quả Phật chứng đại Niết-bàn gọi là Niết-bàn, gọi là không chỗ đến. Lờn kia đến chỗ cùng tột lại vì không có chỗ đến. Nghiệp số chép: Từ mẹ sinh tử đến mẹ Niết-bàn. Chỉ cho thứ mười, kia chép: Tự nhớ tất cả điều bất thiện đã làm, như người tự hại tâm sinh sợ sệt. Kinh sợ hổ thẹn, trừ chánh pháp nầy lại không gì cứu hộ bèn lại quy y chánh pháp nầy, không còn gì cứu hộ bèn lại quy y chánh pháp... chữ tất trở xuống là chỉ cho pháp. Tùy thời nghĩa là như các kinh chỉ sám mười nghiệp ác ba đời.

Trong phần ba, Trí Luận có ba:

1. Đủ nghĩa.
2. Đối cảnh.
3. Tác pháp.

Đạo chúng so với thế tục đều là địa vị thầy, cho nên chú thích chung. Trong ba pháp, nói mõ giáp là xưng tên mình. Trọn đời là nói thời kỳ kia. Sau ba kết, lại càng dặn dò không để quên mất. Dẫn luận Tát-bà-đa để nói thành hay không, nếu tâm xao động thì không đâu chẳng dạy.

Trong phần bốn, kinh Đại Tập nói mẹ nhận gồm giúp cả con. Thiện thân hộ là y theo kinh Đại Quán Đảnh, một quy về mười hai thiện thân, cộng chung có ba mươi sáu vị thân. Luận Tát-bà-đa đối với giới phân biệt khác có ba: Đầu tiên là chọn đường. Năm đường là trừ loài người ra. Không thọ giới là chỗ chấp của tông kia, Luận Thành Thật, Luật Thiện Kiến thì rộng sức được thọ năm giới. Nghiệp số chép: Đa luận y cứ vô tri, thì người còn không được hưởng chi quý sức. Như các đường khác được, nghĩa là có hiểu biết. Chữ cũng trở xuống là phần hai phân biệt thời. Năm giới phải giữ trọn đời, ba cõi cuộc hạn một ngày một đêm, tông Thành Thật không như vậy, như sau đã rõ. Chữ bất trở xuống là phân biệt pháp, như năm giới, tám giới ở sau. Tam quy ngôn trở xuống là phát giới. Năm giới trong phần phân biệt người, Luận

Thành Thật y cứ vào mười ba nạn đều là chương giới. Nay nói bảy nạn, cư sĩ thì có, chỉ chương mười giới, giới cụ túc cho nên nói rằng: Tỳ-ni không cho, không chương năm giới, tám giới cho nên nói rằng: “Người tại gia”. Giới thế gian là đối trên, xuất gia là giới xuất thế, tự sáu nạn còn lại, biên tội phải thọ, phá thì cuộc hạn Đại tăng, huỳnh môn, hai hình súc sinh là nặng, cho nên không nói, luận Tát-bà-đa chỉ phân biệt biên tội (xưa nói rằng: y cứ chưa thọ sám là nói phi. Biên tội hằng chương đâu được luận sám. Nghiệp số nói sám tự không thành bảy nạn của người).

Khoa kế, ban đầu khiến bày duyên cảnh, đồng với giới cụ túc ở trước, tình cảnh đều đồng. Phi tình chỉ là rượu. Nghiệp số chép: Sắp muốn thọ giới trước phải nói duyên cảnh rộng hẹp cho nghe, khiến người thọ chí thấy tương xa rõ ràng. Chữ thiện sinh trở xuống là kế khen công đức của giới. Rất khó nghĩa là công sâu khó được không thể khinh thọ, ba giới do đây sinh cho nên đây là căn bản, tức kinh Thiện Giới chép: Không thọ năm giới, không phát khởi mười giới, cho đến lần lửa không phát giới Bồ-tát, v.v... năm món là năm điều, tùy người có khả năng nhiều ít đều được, nếu thọ một giới gọi là Nhất phần Ưu-bà-tắc, hai giới gọi là Nhị phần Ưu-bà-tắc, ba giới gọi là thiếu phần, bốn giới gọi là đa phần, năm giới gọi là mãn phần. Trước bày giới tương xét hỏi giới có thể thọ được chăng, rồi mới cho thọ. Y theo nghiệp số thì họ ba quy y trao thẳng năm giới. Lựa người ấy là để lật tà, sơ tâm khó nhỏ nên liền dẫn quy y, nếu lại che sớ cho lại tích xưa, năm giới không như vậy, trước đã quy chánh, tâm tánh điều nhu, suy nghĩ chấp ngã, cho nên phải lược phân biệt.

Thứ hai, trong tác pháp, khoa đầu lời câu chia làm năm:

1. Bày tên mình.
2. Quy Tam Bảo hồi hướng cảnh giới.
3. Trọn đời... nói lên chỗ mong đợi, vẫn nêu trọn đời, hoặc một ngày đêm, hoặc một tháng, hoặc một năm, tùy thời tự xử.
4. Vì năm giới, chánh là lập thể. Vả lại nêu mãn phần, hoặc một phần, hai phần, cũng ở gặp cơ. Ưu-bà-tắc xưa dịch là Thanh tín sĩ, cũng nói rằng cận sự nam, nữ là Ưu-bà-di.
5. Như lai đồng kết quy chánh bốn. Do danh từ Tam Bảo chung cho chín mười sáu món, sau phải hiển chánh, chẳng đồng lạm trước, do hiệu cao quý này ngoại đạo không có. Như lai là nương đạo như thật, lại đến thành Phật. Chí chân ấy thể ngộ không tà. Đẳng Chánh Giác là đạo đồng ba đời. Đây thật là chỗ ta nương về, còn bao nhiêu chẳng kính

ấy, cho nên nói là Thế tôn của ta (đây đều nhiếp lược Nghiệp số để giải thích, còn các chỗ khác rộng như kia).

Trước ba quy y thế chánh phát giới duyên, ba pháp vừa xong liền nạp giới thể, sau ba quy y kết là dặn dò phi thể.

Khoa kế, ban đầu dạy nghe. Đa-Đà, Hán dịch là lai, A-la-ha Hán dịch là ứng (Ứng là ứng cúng). Tam-miệu Tam-phật-đà Hán dịch là Chánh đẳng Chánh giác, cũng nêu ba hiệu khiến sinh kinh tin. Chữ tận trở xuống là bày tướng tà dâm là phạm về người. Câu xá có bốn:

1. Vợ người.
2. Vợ mình chẳng phải đường (đường đại tiện và miệng).
3. Phi xứ (Chẳng phải trong phòng).
4. Phi thời (Lúc vợ mang thai, cho con bú, thọ bát quan trai).

Trong năm giới bốn giới trước là tánh giới, hữu tình cảnh phát, một giới sau là giá giới, phi tình cảnh phát. Uống rượu lung tung sẽ gây ra bốn lỗi, cho nên cấm riêng. Chữ thị trở xuống là dặn dò có bốn:

1. Dặn giữ gìn cẩn thận.
2. Khuyên làm phước.
3. khiến thọ trai.
4. Dạy hồi hướng.

Một năm ba lần là tháng giêng, tháng năm, tháng chín, cõi u minh, gương nghiệp xoay vẫn chiếu soi châu Diêm-phù ở phía Nam, nếu có điều thiện ác trong gương đều hiện rõ (Hoặc nói rằng Thiên vương đi tuần bốn thiên hạ, ba tháng này là tuần cõi Diêm-phù ở phía Nam. Lại nói rằng trong ba tháng ác quỷ có thể lực cho nên khiến tu việc lành). Tháng sáu, hắc bạch hai nửa tháng có ba ngày, xét theo Luận Trí Độ thì mồng tám sứ giả của Thiên Vương xuống trần gian, ngày mười bốn Thái Tử Thiên Vương xuống trần gian, ngày mười lăm Thiên Vương tự xuống quan sát chúng sinh làm lành làm ác, ngày hai mươi ba, hai mươi chín và ba mươi cũng vậy. (Tháng thiếu đều y theo Bồ-tát nên dùng ngày mồng một).

Trì trai là thọ tám giới, hoặc chỉ thọ trai trước giữa ngày ăn một bữa, sau giữa ngày không được nhai (nay nhiều số không tiết độ ăn chiều, đây chẳng phải trai còn hơn. Lại có người uống nước trọn thời là người thanh tịnh. Đây là tà thuật, tất cả chúng sinh nhờ ăn mà sống, chỉ cho giữ quá giữa ngày là chánh giáo của Phật).

Thứ ba, trong phân biệt Luận Thành Thật trái ngược Hữu tông, cả ba đều cuộc hạn riêng: (tờ 407)

1. Phải thọ đủ.

2. Không thêm.
3. Nhất định trọn đời.

Luận Tát-bà-đa nói phải là năm chúng, số chép: “Đều là người hoằng pháp”, kể tục chỉ từng thọ phi nên không cho. Luận Trí Độ, đoạn đầu duyên khởi lục trai khác với Luận Trí Độ ở trước bởi lý do khác nhau. Trước tuy thọ trai cả ngày không ăn nhưng lại không có pháp lành, Phật do đó dạy dỗ dắt dẫn cho nên sửa thêm.

Khoa kế, trong phần hỏi nếu y theo Hữu bộ chỉ phát bốn chi, Thành Tông đủ bảy, rất giống với luận cho nên dẫn bày. Trong phần đáp đầu tiên y cứ nghĩa giải thích, hai câu trên chánh đáp nêu một. Chữ hựu trở xuống là càng là giải thích nêu vọng, sợ nói rằng: Sao không ở trong ba đường khác mà nêu một? Cho nên ở đây giải thích. Chữ như trở xuống là dẫn bày. Mười điều lành nhiếp vô lượng, nói đối nhiếp ba món khác, so sánh nhau chẳng khác, cho nên nói rằng y cứ theo mà biết.

Trong thứ ba, như văn giới mắng nhiếp nhau có giải thích đủ. Nội pháp tức nghiệp cũ, ngại pháp tức y báo, thêm một ý cũng đồng với trên. Nội vật tức chánh báo, dùng sơ sao so sánh thân quyết chiêu với lấy ương họa. Sau chỉ cáo văn không phiền dẫn lại. Tu là tìm.

Tám giới, khoa đều, luận Tát-bà-đa khai tâm niệm ấy là tự thệ mà thọ. Số chép: Chẳng gọi là đường thường, văn kia chép: Nếu không có người thì được tâm niệm thọ, rõ là duyên khai. Thứ hai trong tác pháp, đầu tiên dạy đủ oai nghi. Chữ ứng trở xuống là phép chánh thọ, một ngày một đêm nên ở dưới ba quy y, văn có bốn đoạn:

1. Xưng tên.
2. Quy cảnh.
3. Thời hạn. Chữ y cứ trở xuống, Luận Thành Thật nói thọ không dài ngắn, tùy người sửa thêm.
4. Lập thệ.

Số chép: Nói tịnh hạnh, là do chỗ kỳ hạn vãng trì chí đồng Chư Phật (Lại phân biệt năm giới không dứt chánh tâm). Không nói Như lai Chánh giác ấy là năm giới đầu tiên lia tà duyên cho nên dùng chánh để ngăn, nay đây lại thêm thì đâu cần.

Trong sám hối, Bố-tát dịch là Tịnh trụ, cũng dịch là thanh tịnh, lý nên trước sám sau thọ. Trong luận nêu ngược cho nên chú giải đời đời, trong phần nói tướng, ban đầu là nói tướng. Chữ nguyện trì trở xuống là thứ hai, dạy phát nguyện ở ban đầu, mỗi việc đều nói: “Như Chư Phật” số chép: Nêu sở hành của cảnh giới Thánh. Mê pháp cũng như

vậy, ấy là dẫn đã giống trước. Nếu y cứ yết-ma thì nói rằng: “Như Chư Phật trọn đời không sát sinh, mỗi giáp một ngày một đêm không sát sinh có thể giữ được chăng? (đáp rằng giữ được)”. Nay đây chỗ bày hoàn toàn nương theo Luận Trí Độ. Sở chép: “Có bốn nói: Con là mỗi giáp một ngày một đêm không sát sinh cũng vậy” ấy là nói thẳng đã khế hợp. Trên đồng Chư Phật không nhờ hỏi đáp cũng thành nói tương (nay nương yết-ma mà nói). Giường cao lớn tức chân cao thước sáu trở lên, hoặc loại lớn rộng ba khuỷu tay. Lại tám tấc giường tốt trong A-hàm là giường vàng, bạc, sừng, ngà trang sức cho nên hơn, Phật, thầy, cha mẹ từ người cho nên hơn, không cần cao, rộng đều không nên ngồi. Ấn-độ dùng hoa kết tràng đội lên đầu và dầu thơm thoa thân để làm trang sức cho đẹp. Xứ này phải bỏ đeo hoa, ngọc và phấn thoa mặt v.v... y theo văn là chính giới mà nói tám, Luận Tát-bà-đa chép: Trai dùng quá nửa ngày không ăn làm thể, tám việc soi rõ cho nên thành thể trai (nghĩa là dùng tám giới cấm ngăn lỗi buồng lung mới nói lên trì trai thanh tịnh nên nói là soi rõ). Cộng tướng giữ gìn gọi là tám chi trai, cho nên nói tám trai mà không nói chín, lý do không ăn quá ngọc, ở sau có nói riêng. Nếu theo yết-ma thì hợp giường cao cao múa làm một, quá ngọc làm tám. Lại thêm trong một, quá ngọc là thứ sáu. Nên thân trang nghiêm quán sát lắng nghe vì một đều là chỗ nêu khác nhau, tùy nương đều được.

Trong phát nguyện, ban đầu lia đường ác. Tám nạn là ba đường (địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh), trời Trường thọ, châu Bắc câu lô, trước Phật sau Phật (sinh trước Phật xuất thế hay sau khi Phật diệt độ), thế trí biện thông, các căn không đủ. Chữ ngã trở xuống là phân biệt quả báo ở đời. Chữ nguyện trở xuống là bày chỗ mong cầu. Tát nói là nhả, cũng nói là Tát-bà-nhã, Hán dịch là Nhất-thiết-trí. Chỉ thêm một ấy, kia nói rằng: nay ta do công đức bát quan trai này không đọa đường ác, tám nạn, biên địa, đem công đức này nhiếp hết tất cả điều ác của chúng sinh, tất cả công đức trí tuệ bố thí cho người kia khiến thành đạo Vô thượng chánh chân, cũng khiến tương lai đời Phật Di-lặc hội được thoát khỏi sinh già bệnh chết.

Nói quan trai, nghĩa là cấm, đóng không cho buồng lung, tịnh định thân tâm. Sao sơ nay thấy Nghiệp số. Trong tạp tướng, luật Tăng-kỳ gọi thọ mà sợ tục duyên nhiều khiến không nhớ, Thập Tụng thì kể tục đến do đó khuyên họ thọ, thêm một trước sám sau thọ, chứng minh chỗ chú giải trước chứ chẳng phải tự ý. Chữ trung A-hàm trở xuống là ba kinh đều nói về lực dụng. Mười hiệu, là Như lai (đồng nói ở trước) ứng cúng (xứng đáng làm ruộng phước) Chánh biến tri (tịch chiếu pháp giới)

minh hạnh túc (quả từ nhân được) thiện thệ (khéo đến Bồ-đề) Thế gian giải (suốt ngục thông chân) Vô thượng sĩ điều ngự trượng phu (nhiếp hóa theo đạo) Thiên nhân sư (Ứng cơ trao pháp) Phật (giác ngộ quy chân) Thế Tôn (độc tôn trong ba cõi).

Trai kinh ấy chép rằng: Ngày thọ trai phải tập năm niệm:

1. Phải niệm mười hiệu của Phật.
2. Phải niệm pháp, ba mươi bảy đạo phẩm đầy đủ không hủy hoại.
3. Phải niệm chúng, và cung kính gần gũi.
4. Phải niệm giới, nhất tâm vâng giữ.
5. Phải niệm trời, đời sau sinh lên cõi trời sau được Nê-hoàn.

Luận Thành Thật ban đầu nói công đức cao quý. Kia dẫn Đệ-thích nói kệ rằng:

Trong sáu ngày thọ trai
Vâng giữ đủ tám giới
Người này được phước đức
Thì là đồng với ta.

Phật ngăn đó rằng: Nếu người hết lậu hoặc mới nên nói kệ này, cho nên biết phước báo của thiên chủ không bì được bậc Thánh ra khỏi ba cõi. Mới có khả năng so bì trở xuống là nói dài ngắn đều thành, sơ nói rằng: Giáo pháp tiếp độ thế tục không thể y cứ. (xưa dẫn luận Tát-bà-đa, nửa ngày không được vẫn là chấp Bộ kế y theo lý đều thông) Câu Xá trước giải thích tràng hoa anh lạc là đồ trang sức thân. Trừ chẳng phải xưa, nghĩa là bỏ đồ trang sức mới tốt. Chỗ thường dùng, cho nên nói là không sinh v.v... say là hôn mê, loạn là tán loạn. Điều thiện không sinh được nhiều là sợ người tham cứu tâm không chuyên nhất. Bàn rộng quy giới, riêng thọ là hay, thì tâm không khác, pháp không thông lạm. Chúng thọ giới ngày nay phần nhiều với lý tuy thông, sau trở thành chẳng phải thường. (có thuyết nói rằng: y cứ người trao giới vọng nói có nhiều thầy đồng trao giới, vốn không có lý này đâu cần chế đó. Lại nói rằng: Chữ thọ (nhận) viết thành chữ thọ (trao) là rất lầm).

Luật Ngũ Phần ban đầu dạy người thế tục không biết kính đạo, vẫn tám pháp nêu năm pháp trước, hủy Tam Bảo và giới là bốn, năm là không lợi cho trụ xứ Ưu-bà-tắc (ngăn bộ thọ giới), sáu là làm xấu tiếng tăm người, bảy là muốn hủy nhục trụ xứ của kia, tám là dùng phi pháp làm chánh pháp đối gạt người (hoặc có thể ba món này dùng chung không lợi sửa đó cho nên không nêu riêng). Nếu có tám pháp này cho khiến không kính, vì không có đức.

Chữ nhược trở xuống là kể dạy người đạo không đến kẻ tục. Xóm làng cũng vậy, ở trên y cứ một nhà nhóm họp đều sân Tỳ-kheo không đến xóm làng kia. Tạp A-hàm chỉ bày rất thật. Trong sạch nghĩa là không nhiễm trần. Tu tịnh trụ nghĩa là vâng giữ giới hạnh. Thành tựu nam tướng nghĩa là có tiết tháo trượng phu. Miệng nói ba quy y nghĩa là ban đầu cần thầy thọ. Đủ bốn món này thì danh và thật cả hai đều xứng đáng.

Thứ hai trong phần nói về sinh duyên, đầu tiên dẫn duyên. Chữ Phật trở xuống là lập chế. Thân gánh vác cha mẹ là chấp lao phụng thờ. Y phục quý đẹp, tức là cung cấp đồ dùng. Bên phải là cha, bên trái là mẹ, là thuận âm dương. Hoặc có thể phương kia thờ mẹ riêng (có thuyết nói: Ở Ấn-độ phía đông là tôn quý, trái là Bắc, phải là Nam, Bắc là âm, nhưng người làm chỗ hướng không nhất định, chưa hẳn là vậy).

Chút ân, là ôm ấp nuôi dưỡng đến khi khôn lớn trải qua thời gian dài, trăm năm khổ nhọc không báo chút ân hưởng gì là nhiều? Do kẻ đạo cung cấp cho thế tục vốn là làm nhờ nhà, chỉ chấp nhận cho cha mẹ nên nói là cho. Mắc tội nặng là trái chế, cát-la nghiệp đạo nặng (có thuyết nói nghịch lan rõ ràng).

Trong phần hai, không tin thiếu sự lo lắng ấy là ép ngặt khiến quy y chánh, cho nên kinh lý nghĩa là cung cấp sửa soạn. Có tin buông cho, là quyết không luống phí. Khai đem đến chùa, là không có người thân đáng nương tựa. Rửa mẹ không xúc chạm vì xúc chạm không khai thân, cha như Sa-di là nuôi đồng với tiểu chúng. Truyện Đường Tăng nói: Kính Thoát thường gánh mẹ một đầu, kinh sách một đầu, lúc để mẹ dưới gốc cây, vào xóm xin ăn để tự no đủ.

Lại Tề Đạo Kỷ cũng mang kinh sách, tượng Phật và mẹ già dùng chổi tre gánh đi, thường bảo mọi người rằng :Kính đâu không dạy hay sao?

Quét đất tăng bằng côi Diêm-phù không bằng quét đất Phật bằng bàn tay. Hầu hạ cung cấp cho mẹ thì đồng với người chứng ngôi vị Bồ-tát. Có người muốn gánh giúp, Tề Đạo Kỷ nói: Đây là mẹ tôi, chẳng phải mẹ ông, khổ lụy hình hài đều là thân tôi, có thân quyết có khổ, nào được đem khổ nhọc cho người, cho nên thân là khổ trước xin chớ giúp nhau. Đây là đại độ đâu thể so sánh với thường tình. Tuy giáo có chút trái mà quy về thuận lớn. Báo ân hết mực xưa nay không có.

Thứ ba, là Niết-bàn, Tam bảo cùng một thể, thể không sinh diệt nên đều là thường trụ. Khái là mở. Bảy đời, Bắc Viển sơ chép: “Vô thủ đều khai đầu chỉ là bảy đời, nhưng chỉ tùy thế tục mà nói là bảy.” Kinh

Phạm Võng chép: “Chúng sinh sáu đường đều là cha mẹ ta, ta đời đời đều thọ sinh nơi đó.” Mẫu luận nói tham, trước pháp sau thật, không tham nhưng pháp không thiếu.

Ở luật Tứ Phần chép: “Đại Ái Đạo xin xuất gia, Như lai không chấp nhận, A-nan xin thế nói: Ái Đạo là Di mẫu của Phật, Phật ra đời bảy ngày thì Ma-da qua đời, Di mẫu nuôi nấng Phật đến trưởng thành. Ái Đạo ở đời đã chứng Sơ quả, cho nên nói rằng: Huống gì được tịnh tín, phải biết ân nuôi dưỡng rất lớn, dù mang cha mẹ trên vai cả trăm năm cũng không báo được chút phần, nhưng khiến một lòng nghe đến Tam bảo liền đáp được ân nặng, chỉ có Phật pháp mới báo được ân sinh thành dưỡng dục, còn cung cấp bên mình chỉ gọi là nuôi thẳng thôi.

Trong phần bốn, kinh thứ nhất nói rằng: Phật nói: vào đời quá khứ, ta ở tại nước Ba-la-nại, có người con Trưởng giả tên là Từ Đồng Nữ, cha chết làm nghề bán củi, ngày được hai tiền để nuôi mẹ già. Kế được bốn tiền, tám tiền, mười sáu tiền, sau muốn ra biển tìm châu báu, người mẹ liền ôm chân không cho đi, người con kéo tay làm đứt mấy cọng lông tay của mẹ, bèn ra biển tìm của báu. Lúc trở về thì có hai con đường là đường bộ và đường thủy, người con liền đi theo đường bộ, bèn thấy có ngôi thành lưu ly màu xanh, có bốn ngọc nữ cầm bốn hạt châu như ý, thổi nhạc ra rước vào trong thành, suốt bốn vạn năm thọ nhiều vui sướng (quả báo hai tiền) kế lại đi về trước thấy ngôi thành pha-lê có tám ngọc nữ cầm châu ra rước, thọ vui bốn vạn năm (quả báo bốn tiền), lại bỏ đi đến ngôi thành bằng bạc, có mười sáu ngọc nữ đón rước, thọ vui mười sáu vạn năm (quả báo tám tiền). Lại bỏ đi đến ngôi thành bằng vàng, có ba mươi hai ngọc nữ cầm châu ra rước, thọ vui ba mươi hai vạn năm (quả báo mười sáu tiền). Lại bỏ đi xa thấy ngôi thành sắt, tâm sinh nghi ngờ bèn vào thành sắt, có một người đầu đội vòng lửa, lấy bả lên đầu Đồng Nữ (quả báo làm tổn lông tay mẹ), Đồng Nữ hỏi ngục tốt: “Tôi đội vòng này khi nào mới khỏi?”. Đáp: “Khi nào thế gian có người tội phước giống như người, mới thay thế được.” Lại hỏi: “Nay trong ngục này có nhiều người tội như tôi chăng?”. Đáp: nhiều không thể tính kể.

Nghe xong liền nghĩ: Xin tất cả chịu khổ đều nhóm hết vào thân tôi. Khi khởi niệm này rồi, vòng sắt rớt xuống đất, ngục tốt lấy đinh ba sắt đánh vào đầu, chết được sinh lên cõi trời Đâu-suất.

Phật nói: Đồng nữ lúc ấy là thân ta, phải biết với cha mẹ làm chút việc bất thiện, mắc quả báo đau khổ rất lớn, làm chút cúng dường được phước vô lượng (Đồng Nữ là tên của Trưởng giả chứ chẳng phải là con

gái).

Chim oanh vũ, kia nói rằng: Đời quá khứ, ở núi Tuyết có một con chim Oanh vũ, cha mẹ đều mù. Lúc ấy có chủ ruộng, khi mới gieo giống nguyện rằng: Cho tất cả chúng sinh cùng ăn. Oanh vũ con liền thường đến ruộng mổ lúa về nuôi cha mẹ. Chủ ruộng đi xem xét lúa má, thấy các côn trùng, chim cắt lúa liền nổi giận giăng lưới bắt Oanh vũ bị bắt nói: Ông chủ trước có tâm tốt nay sao lại giăng lưới bắt? Vả lại ruộng như mẹ (vì thường sinh trưởng) gieo giống như cha (vì nối tiếp nhau), thật ngữ như con (vì đáng quý tiếc), chủ ruộng như vua, ủng hộ do mình (vì được tự tại). Nói lời đây rồi chủ ruộng vui vẻ hỏi: Người lấy lúa này làm gì? Đáp: Có cha mẹ mù xin để nuôi dưỡng.

Phật nói: Chim oanh vũ là thân ta, chủ ruộng là Xá-lợi-phất, cha mẹ mù là Tịnh Phạn và Ma-da.

Thêm một hai tiết, ban đầu so sánh công đức. Một đời bồ xứ là Bồ-tát Đẳng giác, y cứ mà biết đức nuôi dưỡng chỉ thua Phật. Bồ-tát giới nói: Hiếu thuận là pháp chí đạo. Sách Nho cũng cho rằng là chí đức cột yếu của đạo, bao gồm muôn việc lành, là nguồn của trăm hạnh. Đạo Nho, đạo Phật đều nói như vậy, mà đạo Phật là tha thiết nhất, dạy thường phải nghĩ báo ân chớ có bội ân.

Chữ văn trở xuống là kể nói ân lớn. Chữ văn nên viết là chữ hựu. Đầu thêm một nên gọi là tuy dùng thiện dẫn dắt mà ân cha mẹ khó báo, vì cha mẹ có ân mà không mong con báo đáp. Chữ thị trở xuống là kết khuyến.

Trong phần năm, luận nêu bệnh mù, các bệnh khác cũng vậy. Lại chỉ thiếu chỗ cần dùng không cần đợi bệnh. Tự có thể xe sợi ấy là đặc biệt nêu việc nhỏ hèn, các loại khác đầy đủ, không cần gượng cho, phạm tội tức Đột-cát-la, đồng với như nhà người, y theo đây mà châm lường.

Trong phần sáu, luật Tăng-kỳ dạy sửa tục. Chữ A nhập thỉnh, chuẩn nên tức nghĩa y cứ văn không nêu ra, cho nên thêm một nói đối tánh. Kia nói rằng: Bốn họ xuất gia, đồng xưng là họ Thích, liền gọi là Tỳ-kheo chẳng quan hệ gì với thế tục. Đây nói sau khi lìa tục rồi không được nương tộc họ cũ. Luật Thiện Kiến chép: Đứa ở đã xuất gia thì chẳng thuộc về mình nữa. Cho nên trang sức tốt đẹp thêm rồi không còn lại tên cũ. A-ma-ni tức Phật gọi tên Di mẫu, nhưng hai hiệu này là tên chung của nữ giới. Tăng-kỳ chế cuộc hạn thân thuộc lúc cũ cho nên khác nhau.

Trong phần bảy, ban đầu cho khiêng thầy chết, dẫn kinh nói y cứ,

văn kia chép rằng: Ái Đạo Niết-bàn, Phật và A-nan, Nan-đà-la khiêng thầy đi chôn. Bấy giờ, Phạm thiên, Đế-thích, Bốn Thiên vương muốn khiêng thay, Phật đều không cho vì muốn báo ân, đến vua Tịnh Phạn cũng vậy. Pha âm pha, nga âm ngã, nghĩa là nghiêng động.

Kế chế biến phục, ngày nay phần nhiều mặc ca-sa tơ lụa, dùng vải bố thí làm áo tang. Lại nói rằng: Tăng không có áo chế chỉ có vải bố hơi thô là không nghe biết. Luận Trí Độ chép: “Như lai đắp vải bố thô ca-lê”, truyền lầm đến nay, kẻ ngu mê không sửa. Lại có mũ trắng, điều bạc, giày cỏ, gậy tang giống như thói què hèn của kẻ tục, một phen buông lung ngu tình, thấy văn đây rõ ràng sớm sửa đổi.

Thứ ba, là phép vào chùa. Trong ý lập, đầu tiên nói chùa thanh tịnh trang nghiêm. Tăng ở có hai:

1. Mến mộ vắng vẻ liền tự tu hành.
2. Bố thí lời dạy dỗ tức giáo hóa người.

Ở chỗ vắng không ồn ào, nhận lãnh lời dạy dỗ không được khinh mạn. Bốn câu này y cứ hạnh nói lên (chỗ) nơi.

Chữ thả xấp xuống là kế bày cách thức vào pháp tu, ban đầu nói điều nên làm. Hai câu trên nêu cảnh cao quý, sáu câu dưới bày lý do cầu pháp. Chữ ứng là nên như vậy. Cúi ngược là oai nghi tương mạo. Thực hành là việc đã làm. Chữ khởi trở xuống là chỉ bày không nên làm. Đạp là giẫm lên, hình là thấy. Chẳng phải chỉ là đồng, nghĩa là không lợi ích mà có tổn. Lưu là đọa. Trong Chánh pháp, khoa đầu có năm:

1. Vào cửa chùa.
2. Lạy tổng thể Tam bảo, chữ Tiên trở xuống là kế lễ Phật.
3. Khế, khế giống như khắp. Nay phần nhiều là xưng kệ khen ngợi Phật, tùy chỗ có thể nói ba lần.
4. Chữ lễ Phật trở xuống: Lễ tổng thể ngoài cửa Tăng, như nay chỗ nhà chúng.
5. Chữ ngược trở xuống: Răn nhắc giữ gìn cẩn thận, đầu tiên bày răn nhắc.

Trong chú giải, đoạn trước giải thích trên tự mất lợi hành. Tục thuyết, nghĩa là đồng thể tục, khuyết đọa hạnh. Đoạn sau dạy tùy nghi dạy bày. Trái Tăng thì không sinh tín tâm. Thủ dị nghĩa là tìm lỗi của Tăng. Chữ kinh trở xuống là dẫn chứng chưa rõ kinh nào. Đầu tiên khiến bỏ ác, kế chỉ bày pháp đi, thuận Phật đi tức xoay bên phải, vào Tây ra Đông Phật ở bên phải ta. Vén y bày vai phải là bày có làm việc. Đi ngược là xoay bên trái, ngược với trên rất dễ biết. Duyên ngại nhiều bên trái là chỉ bày quyền khai, nghĩa là hướng Tây có ngại thì ngược

lại từ hướng Đông mà vào, Phật ở bên trái ta rất trái việc hầu hạ cho nên nay giữ nguyên tưởng như bên phải không khác thì khỏi lỗi. Vào ra hướng về Phật là nhờ sự mà bày tâm, quy y không trái.

Khoa kế, đầu tiên niệm Tam bảo. Phật và Tăng là năng giác, nhân quả tuy chia mà giác ngộ đạo đồng, cho nên nói là một thể. Đạo tức nguồn quả, Chư Phật là bốn tâm của chúng sinh tốt chứng gọi là Phật, mới học gọi là Tăng, Tăng hiện tại học pháp, thẳng đến quả Phật, nếu vậy đối đãi với tăng đâu cho khinh lờn.

Trong chú giải, đầu tiên dạy niệm Tăng thì Tam bảo đầy đủ, chữ kim trở xuống là kế khiến niệm mình không khác với Tăng, còn tôn trọng mình đâu dám khinh mạn người. Chữ để trở xuống là kế lia các lỗi. Hai câu đầu là bỏ kiêu mạn, hai câu kế là ngăn giết hại, một câu sau là lia xúc chạm dơ uest, đều là nương việc bày pháp, như chú giải đã hiển bày. Chữ đương trở xuống là thứ ba tu tịnh phước, biểu đối cũng như chú giải.

Trong thứ ba có năm pháp. Ban đầu hộ hủy tổn chú giải nói là: “Người khác cúng”, tức ngọa cụ v.v... đều là của người thí cho. Thiện Phẩm tức tự thân kham nhận đạo. Chữ tinh trở xuống là trừ sự chọc gheo. Chữ Sa-môn trở xuống là không nằm trước. Chữ hựu trở xuống là kính chỗ tăng ngôi, nêu dụ để dẫn chứng, tìm văn sẽ rõ. Trong kinh tức kinh Bảo Ấn Thủ, lại kinh Văn-thù Vấn chép: Chết ngôi trên giường sất. Chữ nhược trở xuống là không đứng dậy sau.

Trong bác bỏ phi, văn đầu tiên là duyên vào đạo, là do gốc lành phát khởi. Nhân Tịnh độ là tâm thanh tịnh. Xa lia xung đột vì mong giải thoát. Diệt tức là triệt là dấu xe đi.

Khoa kế, ban đầu bày không biết. Cẩn dụ như lược. Không hiểu ý pháp là gồm mê ba phần trên. Điều không v.v... trở xuống hai câu là trái với nhân duyên trên. Ruộng phước cúng dường là xa lia xung đột ở trên. Trong chú giải nói chẳng phải hoàn toàn không ấy là không che đây có tin. Chữ đa trở xuống là nêu phi pháp, có ba tiết: Đầu tiên là bày vô trí tạo nghiệp, trước bác bỏ nhóm họp, ngày nay phần nhiều như vậy. Chữ hựu... trở xuống là bác bỏ xâm hủy. Đồ lục là âm mưu làm hại. Đê đột là xúc phạm. Buông lung ngoan độn ngu si là không sợ nhân quả. Chữ hoặc trở xuống là bác bỏ quy tắc hạn hẹp. Chữ cụ trở xuống là gồm bày nhân quả.

Hai, là nói có trí được lợi lớn.

Ba, dẫn kinh hợp chứng, văn kinh đều dụ, v.v... trở xuống là nói suy lợi tức hợp ruộng vườn, tạt lê có gai như cũ ấu mà nhỏ, cảnh trước

là chùa tăng.

Trong pháp nữ nhân, đầu tiên chỉ đồng. Chữ duy trở xuống là bày khác, lại có hai: Ban đầu là chỉ lỗi. Giả là hư giả. Bài là thôi bày, là lời kéo. Đãng nghĩa là buông lung xúc chạm. Chữ tất trở xuống là bày pháp. Ngại tuyệt nghĩa là lệ thuộc người, không được tự tại. Bỉ là nhàm xấu, điệu là hối hận, kính Sa-di là sợ người cho là chưa thọ giới cụ túc thì không cung kính cho nên chú rõ rất dễ biết.

Trong phần nêu pháp chùa, ban đầu kết trước. Chữ sở trở xuống là chánh chỉ bày, trước dạy lễ trì. Chữ phàm trở xuống là dạy xả thí. Kim cương là vật báu cứng bén, già-lam là chỗ phước nghiệp cho nên ví dụ. Kế, trong yếu thuật, văn đầu tiên chỉ Trung quốc là trước nói là Kỳ-hoàn cựu pháp.

Trong phần chánh chỉ bày, văn đầu tiên trước nêu đạo tục giúp nhau. Duyên tu đạo là nhờ ngoại hộ kia, sinh cảnh lành, phước trí từ đó sinh. Chữ xuất gia trở xuống là kể nói kính hộ lẫn nhau. Ban đầu đạo cần nhiếp tục. Bốn bối là trời, người, rồng, quý. U là chung ba đường, hiển thì chỉ có loài người.

Khoa kế, đầu tiên là bày chúng đạo, chí đi xa kém. Chữ trí trở xuống là kể dạy kẻ tục giữ chí hành xả. Trọn chiếu là rất hiểu không trách ngày nay. Xa độ là đại lượng không thấy lỗi nhỏ. Lược là lược bày. Chữ sở trở xuống là bày chốn u linh đồng giúp. Khắc là cứu. Khắc chiếu đều là tâm trời, rồng. Trọn xa là chí xuất gia, như trong Cẩm Thông truyện, Vị trời bảo Tổ sư rằng: “Các nước Thiên-trúc không bằng xứ này, xứ này (Trung Hoa) phạm giới rất hổ thẹn, ở trong tuy xâm phạm mà bên ngoài vẫn giữ gìn cẩn thận, khiến các vị trời thấy một điều lành của kia mà quên trăm lỗi. Nếu thấy tạo tội đều khóc lóc, đều giữ gìn không để ma nào hại.” Chữ kim trở xuống là bác bỏ phàm tục thường chê bai. Ban đầu bày sự ngu mê kia. Chữ tự trở xuống là nêu lỗi lầm, câu trên chương Thánh đạo, hai câu kế là mất lợi lành, hai câu sau là vơi lấy quả báo khổ. Chữ khả vị trở xuống là kết khen.

Trong phần ba, đầu tiên là chánh nói, đây tức chuyển giải thích khoa trên không nhận lời giáo hóa. Chữ như trở xuống là dụ rõ. Anh nhi tức dụ kẻ tục ngu, tức trước gọi là trẻ con ngu si (có chỗ đem trẻ con dụ cho Tỳ-kheo là sai).

Trong phần dẫn dò, chợt xem thế văn dường như chung cả một thiên, xét kỹ ý văn thì kết thúc khoa này.

Thiên giải thích chủ khách.

Ở lâu gọi là chủ, chợt qua gọi là khách. Nếu đối ba cõi thì không có chủ khác, nay trông già-lam đều là lâu, tạm gượng chia chủ khác để nói sự đãi ngộ. Nhưng y cứ trong luật chế chủ đãi khách, chỉ là chủ cần tiếp khách, khác đến có lễ vật, cho nên nói rằng đãi nhau.

Trong ý chế, hai câu đầu nêu xuất gia hơn ở thế tục vì không lệ thuộc người như khách. Hai câu kế nói du phương phiêu bạc, chỗ nào cũng tạm dừng được, tức dừng chùa viện so với quán trọ, nghĩa là đồng như nhà tiếp khách, đã không nhất định dừng nghĩa phải đón rước tiếp đãi cho nên nói rằng tạm ở lại đây. Chữ cố trở xuống là nói chế. Khúc tức vốn cong, v.v... Sinh khởi ở văn sau.

Trong khoa đầu, trước nói khách đến vào chùa, sau nói cựu trụ (chủ) đón rước khách. Biết tháp Phật v.v... hoặc hỏi người hoặc tự mình thấy. Đến cửa nên mở là không khóa cho phép tự mở, nếu không thế tức trái với trên. Trong đây ngày đêm không đóng cửa, nên việc cũng rất ít. Dưới tường là chỗ thấp. Bước vào, phương này để kỵ chưa thể nương dùng.

Khoa kế, luật Tứ Phần ban đầu câu phòng xá, tự nói tuổi để biết trên dưới. Có gì thì chủ cấp cho. Thuốc viên, nêu lên không bỏ vật báo đặc biệt, nêu đến việc nhỏ để lệ thứ khác. Kế là hỏi chỗ, luật Ngũ Phần nói không ngũ là ngăn nạn.

Trong phần ba, luật Tứ Phần lễ tăng, chỉ ở bốn tòa để thành chúng, còn tòa khác không lễ vì e nhọc phiền. Suy nghĩ là thiện định, lễ tụng lại đồng. Luật Thật tụng nói khi thấy nghĩa là chớ gần.

Trong phần bốn, văn đầu tiên trước hỏi nơi pháp thực. chữ hựu trở xuống là kế hỏi lợi dưỡng có sáu. Tăng sai là Tăng thứ. Đàn-việt đưa đồ ăn nghĩa là đem đồ ăn vào chùa, mười lăm tháng tám tức sáu ngày trai, nhiều người bày đồ cúng (Nghịệp Số chép: Hắc, bạch có ba ngày, văn thiếu ngày mười bốn). Tháng giêng nước kia xem trọng, cũng có nhiều người sắm sửa cúng dưỡng. Đàn-việt thỉnh tức là thỉnh riêng (xưa nói rằng tăng thứ là sai). Ba, là hỏi người, súc, đều y cứ nhà thế tục.

Khoa kế, đầu tiên bày Tăng chế, chữ nhược trở xuống là nói trải chiếu giữ khách, không nói biết là sợ đũa bạn, cho nên vẫn an vui. Cấp lương thực là y cứ nêu ra mình, chắc chắn phải thường trụ.

Trong phần ba, mười việc cho ấy, hai việc trước cho vật, tám việc sau cho lời. Tập tục là phong tục nên làm, tăng dạy khiến tùy phương chế độ. Sự ấy có thể ăn, sự là vật. Trong pháp phụ, khoa đầu, hai câu trên là bày công phu của giáo pháp để có thể thành thiện. Có do nghĩa là do ở dạy. Hai câu kế là nói sự cao quý của oai nghi để có thể thành nhân

cảm quả. Minh nhân là tâm nghiệp chưa bày. Hiển quả là báo tướng có thể thấy. Tông là gốc, chữ thị dĩ trở xuống là dẫn chứng. A-thuyết cũng nói là A-thuyết-thị, Hán dịch là Mã Thắng, theo Phật thọ học mới có bảy ngày đã đầy đủ oai nghi, do năm trăm đời trước làm con vợ, nên nay vẫn còn lằng xằng, xuất gia bảy ngày liền sửa thói cũ, dùng oai nghi ngộ vật nên gọi là oai nghi bậc nhất. Ngài Thân Tử và Mục-liên là bạn cùng ước hẹn rằng nếu được cam lộ quyết cùng nhau nếm, sau Thân Tử gặp ngài Mã Thắng oai nghi khoan thai bèn hỏi: thầy ông là ai, và nói pháp gì? Đáp: Pháp từ duyên sinh, cũng theo duyên diệt, tất cả các pháp là không, chẳng có chủ, (ở đây y theo luật Ngũ Phần dẫn, hoặc có nêu rằng “Các pháp từ duyên sinh cũng theo duyên diệt, Phật ta là Đại Sa-môn thường nói như vậy”). Thân Tử nghe rồi liền chứng Sơ quả, kể truyền đến Mục-liên cũng chứng Sơ quả, sau cùng Mã-thắng đến Phật xin xuất gia. Truyền pháp... tức Ngũ Tổ Ưu-ba-cúc-đa, oai nghi nghiêm túc, chúng sinh đều theo sự giáo hóa của Ngài, như Phật chẳng khác, chỉ không có tướng tốt, người thời bấy giờ gọi là Vô Tướng Hảo Phật (giống Phật mà không có tướng tốt như Phật).

Lại Tổ thứ hai mươi là Xà-dạ-đa, khéo giữ oai nghi, ai thấy cũng cung kính, được Phật thọ ký. Xà-dạ-đa là Luật sư rất sau, cho nên biết Tổ truyền chung đều dùng oai nghi khiến chúng sinh sinh tâm lành. Phương san tức Phó Pháp Tạng truyện. Chữ Cố trở xuống là kết trước khởi sau.

Trong phần nêu bày, văn đầu tiên là luật Ngũ Phần, nói oai nghi giáo hóa chúng sinh công rất sâu, thiếu thì hai lợi (Tự và tha) đều mất cho nên chẳng phải rất rõ hay sao? Luật Tăng-kỳ nói hành pháp, ngó thẳng là đầu không cúi ngược, nên xoay thân không nên xoay cổ. Trung A-hàm đầu tiên là riêng bày hành pháp, nối tiếp luật Tăng-kỳ ở trên. Thú vương tức sư tử và voi đầu đàn. Chữ nhược trở xuống là chung rõ bốn nghi, đầu tiên nói vào xóm làng tức bày hành pháp. Chỗ vô sự tức A-lan-nhã, hợp nói cách ăn, văn thấy trong pháp Đầu-đà. Chữ hoặc trở xuống, là nói hai cách đứng và ngồi, chữ ư trung trở xuống là nói cách nằm đầu mặt hướng về tượng không xoay lưng lại, là tướng tướng sáng không bị ngủ mê. Pháp nằm của luật Tăng-kỳ phần nhiều giống như trên, văn lại chỉ rõ đầu hướng là không giống, vì ca-sa và sư trưởng đều tôn quý. Ngâm miệng chống, đoạn tâm dễ định, niệm tu quán hạnh không tạm quên. Chỉ như trên ý tức tướng nói tướng v.v... luật Thập Tụng nói đèn không nằm vì sợ lộ hình.

Trong phần nêu hạnh, khoa đầu tiên trước nói dọn sạch. Tuỳ tướng

là chỗ che trong giới trái vật của tăng. Chữ khứ thời trở xuống là nói thừa bảo. Chữ hậu khứ thời trở xuống là nói quán phương lượng bạn, lợi suy nghĩa là có ích và vô ích, thời nói là phải nói liền nói. Nếu có trở xuống là nói pháp tạm ở sau lại đi. Hạ tọa bị bệnh trở xuống là nói cách lo liệu khi gặp bệnh, Thượng tọa có bệnh lẽ ra nên chăm sóc, chi rõ hạ tọa vì sợ mà bỏ. Được thoát nghĩa là sai tổn.

Khoa kế ban đầu nói cách làm, trước ngón sau gót là tướng tiện. Thứ tư trở xuống là nói chỗ tìm. Bữa ăn trước là tiểu thực, bữa ăn sau là giữa ngày thọ trai. Phải thừa vào là do tìm đồ ăn đêm quyết vào nhà thế tục.

Trong thứ ba, rõ ràng là thô bạo vì nhất tâm lìa tạp niệm. Quán địa hai ý là chỉ và tác. Bồ tát bất thối xưa nói là Sơ địa trở lên.

Trong ngồi nằm, khoa đầu, luật Tăng-kỳ trước nói cách ngồi. Lạc trì nghĩa là hai gối trụ đất, nói rõ pháp nằm, nghĩa là tướng mạn, nằm sấp là tướng đối, nằm hông trái là tướng dâm, nằm hông phải là đứng như pháp. Chỉ ba mươi lăm là kia nói rằng “Nên như Sư tử đầu đàn thuận hông phải mà nằm”, nếu hông phải có mụn ghẻ thì không tội, không như vậy thì trái oai nghi. Thêm một, tay tiếp xuôi, kia do ngoại đạo rút bỏ giường cho nên chế (lich âm lịch, nay là giường nhiếp) luật Thập Tụng chế ban ngày nằm là bị bệnh nên khai. Mắt mừng khiến kinh hành là trừ hôn tư. Luật Thiện Kiến ban đầu chế buộc niệm, Tam Bảo, giới, thì, thiên là sáu niệm. Dưới nói ngồi quì đều hai, thiên quán ngồi kiết già, uống ăn ngồi xồm, Ni phải quì thẳng, đều chung cho tăng, tăng chế hồ quỳ thì không chung cho Ni, cho nên chú thích “có chỗ đứng riêng”.

Khoa đầu trong hạnh riêng, Tam Thiên oai nghi nói ngồi xồm. Tréo chân phải trái, tréo là lỗi cả hai. Thụ là gót hướng lên trên, ngồi xồm nghĩa trái với hướng về phía. Trạo sao là lay động. Thi trụ nghĩa là một chân chống đất, một chân giơ thẳng về trước. Thượng túc là giơ một chân.

Kế nói năm việc nên chung cả hai cách ngồi. Không y cứ theo trước, nghĩa là hai tay chỏi giường. Mẫu Luận nói ngồi kiết già. Chữ kiểm nên viết kiểm. Khoa kế trong Tam Thiên oai nghi, không ngồi chung với thầy, không vượt quyền người trên. Luật Thập Tụng ban đầu chế khởi tha là y mình lãng nhục người. Chữ nãi trở xuống là kế chế lạm xuống.

Trong phần ba, ban đầu nói cách nằm. Khước cứ nghĩa là lui thân mà ngồi. Khiếm âm khiếm, mở miệng bày hỏi. Tra khứ tinh, là than thở. Bầy chó nghĩa là y nhau. Khởi do thời tiết là nghĩ mình tướng nên

tâm khởi. Đáng trách nghĩa là các niệm biếng nhác, ham ngủ. Chữ hựu trở xuống là kể nói về pháp vào chúng. Di là lưu.

Trong cách nằm, luật Thiện Kiến nói niệm khởi, Tam thiên nói về tướng nằm. Luận Tỳ-ni Mẫu răn ham ngủ. Hai thời là đầu hôm và gần sáng, một thời là nửa đêm. Luật Tăng-kỳ cấm dậy muộn, chú giải chỉ cho thuyết trước tức nằm hông bên phải, sau là xếp chân, ngậm miệng, v.v...

